

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2280 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam thuộc huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Kết luận số 111-KL/TU ngày 01/7/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam thuộc huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam thuộc huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 173/BCTĐ-SXD ngày 03/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam thuộc huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án

Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục kinh tế Bắc - Nam thuộc huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Sở Xây dựng Hưng Yên

3. Mục tiêu Đồ án

- Cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên, Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm và Quy hoạch chung xây dựng thị xã Mỹ Hào.

- Phát triển khu vực theo hướng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, đô thị và nông thôn, có hệ thống hạ tầng đồng bộ hiện đại, có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan và có môi trường phát triển bền

vững. Phát triển công nghiệp sạch, dịch vụ cấp vùng gắn với trục kinh tế Bắc - Nam, hệ thống đường sắt nội tỉnh Hưng Yên và hệ thống đường sắt Hà Nội - Hải Phòng.

- Làm cơ sở và công cụ cho các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án, kế hoạch đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển đô thị, quản lý xây dựng trên địa bàn khu vực nghiên cứu.

4. Tính chất

- Là trục phát triển tổng hợp, đa ngành đa lĩnh vực gồm công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, đô thị và nông thôn gắn với vùng kinh tế phía Bắc tỉnh, vùng thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

- Là đầu mối giao thông đường bộ và đường sắt của tỉnh Hưng Yên, có tầm quan trọng đối với khu vực phía Bắc tỉnh.

5. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Vị trí nghiên cứu quy hoạch phân khu xây dựng nằm ở phía Bắc tỉnh, là khu vực hai bên đường trục kinh tế Bắc - Nam, thuộc địa bàn quản lý của thị xã Mỹ Hào và huyện Văn Lâm. Vị trí cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Phía Nam giáp Quốc lộ 5 (thị xã Mỹ Hào).

Phía Đông giáp đường ĐH.16 và đường trục phường Phan Đình Phùng.

Phía Tây giáp đường ĐT.380 và đường ĐH.13.

6. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số

- Tổng dân số hiện trạng trong phạm vi lập quy hoạch khoảng 49.011 người. Trong đó, dân số trên địa bàn huyện Văn Lâm khoảng 28.625 người, dân số trên địa bàn thị xã Mỹ Hào khoảng 20.386 người.

- Đến năm 2020 dân số khu vực quy hoạch dự kiến khoảng 70.677 người. Trong đó dân số thuộc huyện Văn Lâm khoảng 33.039 người, dân số thuộc thị xã Mỹ Hào khoảng 37.638 người.

- Đến năm 2030 dân số khu vực quy hoạch dự kiến khoảng 154.017 người. Trong đó dân số thuộc huyện Văn Lâm khoảng 50.217 người; dân số thuộc thị xã Mỹ Hào khoảng 103.800 người.

b) Quy mô đất đai

- Về diện tích nghiên cứu quy hoạch và địa giới hành chính: Khu vực nghiên cứu quy hoạch có diện tích khoảng 3.164,2 ha, bao gồm: Đất thuộc huyện Văn Lâm khoảng 2.145,3 ha (trong đó: 477,5 ha thuộc xã Chỉ Đạo; 356,9 ha thuộc xã Minh Hải; 906,3 ha thuộc xã Đại Đồng và 404,6 ha thuộc xã Việt Hưng).

Đất thuộc thị xã Mỹ Hào khoảng 1.018,9 ha (trong đó: 411,9 ha thuộc phường Nhân Hòa; 511,1 ha thuộc phường Phan Đình Phùng; 18,9 ha thuộc phường Di Sĩ; 11,7 ha thuộc xã Cẩm Xá và 25,3 ha thuộc phường Bàn Yên Nhân).

- Về diện tích lập quy hoạch phân khu trong Đồ án: Trong tổng diện tích nghiên cứu 3.164,2 ha nêu trên, diện tích lập quy hoạch phân khu khoảng 1.463,84 ha, gồm các khu chức năng xây dựng mới và cần cải tạo chỉnh trang; còn lại 1700,37 ha gồm các khu vực chỉ rà soát, kết nối hạ tầng và thể hiện trên bản đồ nhằm kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

7. Định hướng phát triển không gian

7.1. Cấu trúc quy hoạch

Cấu trúc quy hoạch được lựa chọn có dạng chuỗi gồm các khu chức năng phát triển hai bên trục kinh tế Bắc - Nam. Cấu trúc này phù hợp với chiến lược của quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào; phù hợp với tình hình thực tế về nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn. Quy hoạch giao thông tỉnh Hưng Yên và Đồ án Quy hoạch chung huyện Văn Lâm,

Việc thiết lập cấu trúc dạng chuỗi dọc theo trục kinh tế Bắc - Nam tạo điều kiện khai thác quỹ đất hai bên trục, cải tạo các khu vực xây dựng hiện hữu, liên kết phát triển với các khu lân cận trên cơ sở phù hợp với điều kiện tự nhiên và hiện trạng. Khu vực này có điều kiện phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ phát huy vai trò cửa ngõ giao thương với tỉnh Bắc Ninh và đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt Hà Nội - Hải phòng. Bên cạnh đó, việc phát triển hệ thống giao thông còn tạo điều kiện khai thác các khu vực di sản văn hóa, cảnh quan đặc trưng...

a) Trục không gian chủ đạo

- Trục kinh tế Bắc Nam với điểm khởi đầu là nút giao giữa Quốc lộ 39A và đường ĐH.37. Đây là trục phát triển kết nối Quốc lộ 5A cũng như khu vực Phố Nối với tỉnh Bắc Ninh và trục chính đường ĐT.385 của huyện Văn Lâm. Trục này có tính chất chủ đạo, ảnh hưởng đến toàn bộ các khu chức năng quy hoạch.

- Trục đường ĐT.385 (hướng Đông - Tây). Đây là trục kết nối khu quy hoạch với trung tâm huyện Văn Lâm. Hai bên trục này dự kiến phát triển các khu chức năng như đất thương mại dịch vụ, đất công cộng, đất cây xanh, đất ở mới, đất ở cũ cải tạo chỉnh trang, đất công nghiệp, đất dịch vụ công nghiệp.

- Trục đường ĐH.30 (hướng Đông - Tây). Đây là trục kết nối khu quy hoạch với trung tâm thị xã Mỹ Hào. Hai bên trục này dự kiến phát triển các khu chức năng như đất thương mại dịch vụ, đất công cộng, đất cây xanh, đất ở mới, đất ở cũ cải tạo chỉnh trang, đất tái định cư, đất trường học.

b) Các trung tâm

- Trung tâm công nghiệp dịch vụ huyện Văn Lâm: Thuộc địa phận hành chính các xã: Minh Hải, Chỉ Đạo, Đại Đồng. Khu vực nằm ở trung tâm khu quy hoạch, phía Nam giáp đường ĐH.30 đoạn qua thị xã Mỹ Hào, phía Bắc giáp đường ĐT.385. Đây là khu vực tập trung nhiều cụm công nghiệp như Cụm công nghiệp Minh Hải, Cụm công nghiệp Chỉ Đạo và các khu dịch vụ công nghiệp. Bên cạnh đó đây còn là khu vực phát triển thương mại dịch vụ với quy mô lớn, chủ yếu tập trung ở hai bên đường trục kinh tế Bắc - Nam. Ngoài ra dự kiến bố trí các chức năng khác: Đất ở xây dựng mới, đất ở tái định cư, đất ở làng xóm hiện có và đất công cộng, trường học, cây xanh với hệ thống công trình hạ tầng xã hội đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu dân cư khu vực.

- Trung tâm dịch vụ tổng hợp phía Đông huyện Văn Lâm: Thuộc địa phận hành chính các xã: Chỉ Đạo, Đại Đồng, Việt Hưng. Khu vực nằm ở phía Bắc ranh giới nghiên cứu quy hoạch; có giao thông kết nối thuận lợi với các khu vực trong huyện và các huyện, thị xã lân cận như: Mỹ Hào - tỉnh Hưng Yên, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh qua các tuyến đường: Quốc lộ 39A, đường ĐT.385 và đường ĐH.16,... Hiện đây là khu vực tập trung đông dân cư (diện tích đất ở làng xóm hiện có chiếm khoảng 40% tổng diện tích khu trung tâm). Trong khu vực, dự kiến bố trí các chức năng: Đất công cộng, đất thương mại dịch vụ, đất cây xanh, đất ở mới, đất nông nghiệp công nghệ cao...

- Trung tâm thị xã Mỹ Hào: Thuộc địa phận hành chính phường Bần Yên Nhân. Đây là khu vực có các tuyến đường quan trọng của thị xã và tỉnh đi qua như: Đường ĐT.380, đường ĐH.30, đường trục kinh tế Bắc - Nam, tạo nên mối quan hệ giao lưu kinh tế - văn hoá giữa thị xã Mỹ Hào với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Khu vực này còn là nơi tập trung nhiều dự án khu đô thị. Trong khu vực, dự kiến bố trí các chức năng: Đất công cộng (trụ sở UBND, trung tâm hành chính, chợ), đất thương mại dịch vụ, đất cây xanh TĐTT, đất trường học, đất ở... và một phần đất công nghiệp chiếm diện tích không đáng kể.

7.2. Quy hoạch phân khu

Quy hoạch phân khu đối với toàn bộ khu vực nghiên cứu quy hoạch với tổng diện tích 3.164,2 ha; phân làm 5 phân khu.

a) Khu dân cư đô thị hoá Chỉ Đạo - Đại Đồng (K1)

Vị trí phía Tây Bắc khu vực quy hoạch (phía Bắc đường ĐT.385), thuộc các xã: Chỉ Đạo, Đại Đồng. Khu dân cư đô thị hóa Chỉ Đạo - Đại Đồng có diện tích khoảng 628,52ha, có dân số quy hoạch khoảng 21.065 người, mật độ dân số 3.351 người/km². Mô hình chức năng gồm khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang, khu công cộng, khu cây xanh - công viên, khu đô thị mới, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, khu thương mại dịch vụ. Hiện tại khu vực này chủ yếu là đất nông nghiệp và đất ở dân cư hiện hữu. Do đó cần chú trọng nâng cấp cải tạo chỉnh trang, bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của dân cư khu vực dựa trên nguyên tắc hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

b) Khu dân cư đô thị Đại Đồng - Việt Hưng (K2)

Vị trí phía Đông Bắc, thuộc các xã: Đại Đồng, Việt Hưng. Khu Dân cư đô thị hóa Đại Đồng - Việt Hưng có diện tích khoảng 825,81ha, có dân số quy hoạch khoảng 35.894 người, mật độ dân số 4.347người/km². Mô hình chức năng gồm khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, khu di tích (khu vực bảo tồn di tích chùa Nôm), khu đô thị mới, khu dịch vụ công cộng (các công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ thương mại) và khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang. Trong đó:

- Khu vực bảo tồn di tích chùa Nôm: Có quy mô diện tích khoảng 26,5ha gồm Chùa Nôm và khu vực phụ cận. Khu bảo tồn và phát huy giá trị chùa Nôm có thể được khai thác thành điểm du lịch cấp tỉnh với định hướng bảo tồn, phát huy giá trị chùa Nôm gắn liền phát triển kinh tế - xã hội. Khu vực này được bảo tồn theo quy hoạch đã được duyệt.

- Khu đô thị mới có quy mô diện tích khoảng 106,37ha gắn với các trung tâm dịch vụ tại xã Đại Đồng, tiếp giáp đường ĐT.385, liền kề với khu di tích chùa Nôm. Đây cũng là khu vực được hưởng lợi từ khu cảng cạn và các khu công nghiệp tập trung liền kề.

- Khu dân cư cũ cải tạo chỉnh trang: Nâng cấp cải tạo chỉnh trang khu vực đất ở làng xóm hiện trạng (bao gồm thôn Lộng Thượng, thôn Đại Từ, thôn Đình Tổ, thôn Đồng Xá - xã Đại Đồng; thôn Đại Bi - xã Việt Hưng) trên quan điểm giữ nguyên cấu trúc làng xã cũ, từng bước nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đạt các tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

c) Khu công nghiệp dịch vụ Đại Đồng 1 (K3)

Phần lớn diện tích khu công nghiệp dịch vụ Đại Đồng 1 đã có quy hoạch chi tiết 1/500 các khu điểm công nghiệp, dịch vụ (Cụm công nghiệp Đại Đồng - Minh Hải). Do đó quy hoạch phân khu cập nhật và quy hoạch kết nối hạ tầng.

Khu này có vị trí phía Tây, thuộc địa phận xã Đại Đồng. Đây là khu chức năng tổng hợp với thành phần đất đai chủ yếu là công nghiệp, dịch vụ. Khu này được cập nhật các dự án đang đầu tư, kết nối với quy hoạch chung của huyện Văn Lâm. Khu công nghiệp dịch vụ Đại Đồng 1 có diện tích khoảng 531,55ha. Khu vực này có điều kiện giao lưu với toàn huyện và thị xã Mỹ Hào, huyện Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh qua các tuyến đường: Quốc lộ 39A và đường ĐT.385, đường ĐH.30 và ga Lạc Đạo. Mô hình chức năng gồm các cụm công nghiệp dự kiến (Minh Hải, Đại Đồng, Chỉ Đạo), khu dịch vụ công nghiệp, đất đầu mối kỹ thuật, khu thương mại dịch vụ, khu công viên cây xanh, khu dân cư hiện hữu. Ngoài ra còn có hệ thống các công trình hạ tầng xã hội như trường học, nhà văn hóa... nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của dân cư khu vực. Tại đây, hầu như không phát triển đất khu ở mới, chỉ cải tạo chỉnh trang các khu ở hiện có.

d) Khu công nghiệp dịch vụ Đại Đồng 2 (K4)

Vị trí tại phía Đông khu vực quy hoạch, thuộc địa phận xã Đại Đồng. Đây là khu kết hợp quy hoạch mới và cập nhật kết nối các quy hoạch của thị xã Mỹ Hào. Khu này có diện tích khoảng 409,95ha, dân số quy hoạch khoảng 13.161 người, mật độ 3.210 người/km². Khu vực này có điều kiện giao lưu trực tiếp với trung tâm đô thị Mỹ Hào qua các tuyến đường ĐT.385 và đường ĐH.16, trục kinh tế Bắc Nam. Mô hình chức năng các điểm dịch vụ, khu cảng cạn, khu ở tái định cư, khu ở mới, khu dân cư hiện hữu, khu công viên cây xanh, khu công cộng...

Định hướng cải tạo xây dựng các khu dân cư cũ theo mô hình làng trong phố. Bảo tồn nâng cấp các khu ở cũ theo hướng vừa hiện đại vừa có nét truyền thống, khai thác đất công để xây dựng hoàn chỉnh công trình công cộng đô thị. Các không gian xanh, không gian mặt nước được gìn giữ, gắn kết với không gian ở của người dân. Khu thương mại dịch vụ được bố trí tập trung ở giáp trục đường Quốc lộ 39A, kết hợp với khu cây xanh cảnh quan ven sông Bần Vũ Xá tạo thành điểm nhấn tại nút giao giữa trục đường Quốc lộ 39A và đường ĐH.30.

e) Khu trung tâm đô thị Mỹ Hào (K5)

Vị trí phía Nam khu vực quy hoạch. Toàn bộ khu trung tâm đô thị Mỹ Hào đã có quy hoạch 1/500 được duyệt. Chỉ cập nhật để kết nối hạ tầng, cảnh quan. Khu trung tâm đô thị Mỹ Hào có quy mô diện tích khoảng 768,37ha, dân số quy hoạch khoảng 72.350 người, mật độ 9.416 người/km². Khu trung tâm đô thị Mỹ Hào có vị trí phía Nam khu vực nghiên cứu quy hoạch, thuộc địa phận các phường: Nhân Hòa, Phan Đình Phùng, Bần Yên Nhân.

7.3 Quy hoạch sử dụng đất

a) Đối với khu vực quy hoạch xây dựng phân khu

Khu vực này là diện tích chính thức lập quy hoạch phân khu theo quy mô đã đề xuất là 1.463,84ha. Các chức năng trong khu vực này được quy hoạch cụ thể hóa các Đồ án quy hoạch chung huyện Văn Lâm và thị xã Mỹ Hào. Các loại đất được quy hoạch như sau:

- Đất xây dựng đô thị và dịch vụ

Các khu đô thị mới: Cụ thể hóa theo quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào và huyện Văn Lâm.

Đất khu ở cũ cải tạo chỉnh trang.

Đất công trình công cộng.

Khu công viên cây xanh: Cấp khu vực và trong các khu chức năng.

Khu Văn hoá - Thể dục thể thao: Cấp khu vực và trong các khu chức năng.

Đất khu thương mại, dịch vụ: Cấp khu vực và trong các khu chức năng.

Đất tôn giáo, di tích.

Các khu, điểm chức năng phân tán khác.

- Đất các khu công nghiệp - TTCN.

- Đất nông nghiệp.

- Mặt nước sông kênh: Gồm các sông, hồ sử dụng cho mục đích công cộng.

b) Đối với khu vực đã có quy hoạch được duyệt (rà soát kết nối hạ tầng), đất chưa xây dựng.

Khu vực này được đưa vào quy hoạch để rà soát kết nối hạ tầng.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích đất hiện trạng (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích đất quy hoạch (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	3.164,21		3.164,21	
A	Đất quy hoạch, xây dựng	1.463,84	100	1.463,81	100
-	Đất các khu ở	397,67	27,17	460,2	31,44
	Đất ở cũ	397,67	27,17	323,9	22,13
	Đất ở mới	0	0,00	109,8	7,50
	Đất tái định cư	0	0,00	26,5	1,81
-	Đất công cộng	17,45	1,19	22,5	1,54
-	Đất cây xanh, TĐTT	0	0,00	96,9	6,62
-	Đất giao thông đối nội	90	6,15	115,31	7,87
-	Đất giao thông đối ngoại	71,2	4,86	127,4	8,70
-	Đất Công nghiệp, SXKD	49,94	3,41	251,8	17,2
-	Đất Dịch vụ, cảng cạn	20,3	1,39	221,3	15,12
-	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	14,94	1,02	24,8	1,69
-	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.	10,5	0,72	12,9	0,88
-	Đất nông nghiệp	743,39	50,78	63,0	4,30
-	Đất nghĩa trang nghĩa địa	23,22	1,59	17,8	1,23
-	Đất mặt nước sông kênh	25,23	1,72	25,2	1,72
-	Đất cây xanh cách ly	0	0,00	24,7	1,69
B	Đất các khu đã có QH được duyệt	1.700,37	100	1.700,4	100
-	Quy hoạch xây dựng đô thị	587,72	35,0	613,0	
-	Quy hoạch khu công nghiệp	354,1	21,0	354,1	

-	Đất giao thông	187,78	11,0	162,5	
-	Đất nông nghiệp	497,17	29,0	497,2	
-	Mặt nước(sông, kênh)	73,6	4,0	73,6	

8. Quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 5A được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp II (theo Quyết định số 05/2011/QĐ-TTg ngày 24/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ). Những đoạn đi qua đô thị cải tạo nâng cấp thành đường đô thị với lộ giới rộng 45m.

- Trục kinh tế Bắc - Nam: Quy hoạch theo dự án đã được duyệt với tiêu chuẩn đường cấp I đi qua đô thị gồm 6 làn xe, có hành lang bảo vệ trồng cây xanh và dự trữ đất hai bên. Tổng bề rộng mặt cắt là 74m bao gồm cả đường gom.

b) Đường đô thị

Cấu trúc mạng lưới giao thông có dạng ô cờ kết hợp với mạng tam giác. Thiết kế theo tiêu chuẩn đô thị hạng IV. Tổ chức mạng lưới đường bao gồm đường trục chính và đường khu vực đô thị, số làn xe trung bình từ 4 - 6 làn. Kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông trong khu dân cư hiện hữu, số làn xe trung bình từ 2 làn.

- Đường ĐT.380 được quy hoạch thành đường trục chính đô thị: Tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn là đường cấp III đồng bằng, hướng tuyến giữ nguyên theo hiện trạng. Đối với những đoạn qua khu vực nội thị cải tạo nâng cấp tuyến thành đường trục chính khu vực với mặt cắt rộng 30m (6m+7,5m+3m+7,5m+6m).

- Đường ĐT.385 định hướng quy hoạch thành đường trục chính đô thị, hướng tuyến giữ nguyên theo hiện trạng với mặt cắt ngang điển hình là 30m bao gồm lòng đường, vỉa hè và giải phân cách giữa (4.5m+7.5m+6m+7.5m+4.5m). Tuyến đường gom bên phải định hướng với mặt cắt ngang 25m (5m+15m+5m) phục vụ vận tải hàng hóa khu vực cảng cạn Ga Minh Hải - Đại Đồng.

- Đường trục chính đô thị khác: Gồm các tuyến liên kết với các trục đối ngoại, các khu vực công nghiệp, các vùng kinh tế lân cận. Nâng cấp cải tạo một số tuyến đường như: ĐH.30, ĐH.37, ĐH.16 mặt cắt rộng từ 30m - 54m, vận tốc thiết kế từ 60 - 80km/h.

- Đường trục chính đô thị khác: Gồm các tuyến xuyên tâm, liên kết các cực phát triển của đô thị, nâng cấp cải tạo một số tuyến đường như ĐH.15 liên hệ trực tiếp với các trục đối ngoại. Mặt cắt rộng từ 17m - 24m, vận tốc thiết kế từ 40 - 60km/h.

- Đường khu vực đô thị: Gồm các tuyến có vai trò kết nối các khu chức năng với các trục chính đô thị, được thiết kế với các mặt cắt từ 18,5m - 33m, vận tốc thiết kế từ 40 - 60km/h.

- Đường trong khu dân cư hiện hữu: Hạn chế việc mở rộng, tuy nhiên cần kết nối với đường đô thị. Mạng đường này được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp V đồng bằng.

c) Công trình đầu mối giao thông

- Cầu đường bộ: Giữ nguyên và nâng cấp các cầu hiện trạng theo các tuyến giao thông đường bộ, xây dựng lại các cầu đã xuống cấp và hư hỏng phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông chung. Trong đó chú trọng việc xây dựng 1 cầu vượt qua đường sắt và đường ĐT. 385 kết nối giao thông hai bên đường sắt trên địa bàn huyện Văn Lâm. Các cầu khác trong khu vực: Cải tạo, xây dựng mới theo nguyên tắc phù hợp với yêu cầu của mạng lưới giao thông và các tiêu chí kinh tế - kỹ thuật khác.

- Bãi đỗ xe: Xây dựng bên xe theo nguyên tắc thuận tiện giao thông đối ngoại, gần các khu tập trung đông người, thuận lợi cho giao thông đối nội, không ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, xã hội và cảnh quan. Theo đó trong phạm vi lập quy hoạch có 6 bãi đỗ xe với tổng diện tích là 125.300m².

d) Hệ thống đường sắt - ga đường sắt

- Đường sắt

+ Phát triển tuyến đường sắt nội Tỉnh theo quy hoạch định hướng của Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch hệ thống đường sắt, ga đầu mối vùng thủ đô Hà Nội.

+ Tổng độ dài đường sắt trong khu vực quy hoạch là 8,2km. Đây là đoạn đầu của toàn tuyến là 30,5km đường sắt nội tỉnh. Điểm đầu ở ga Minh Hải (theo 2 quy hoạch trên), điểm cuối là Ga thành phố Hưng Yên (đề xuất tại phía Nam xã Nhật Tân - Tiên Lữ) quy hoạch toàn tuyến đường sắt trên cao. Đoạn từ điểm đầu giao với tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao với đường 38B tuyến được thiết kế trên cao và đi vào giữa đường chính và đường gom. Quy mô đường sắt khổ đôi là 16m bao gồm hành lang an toàn bảo vệ và khổ đường sắt theo tiêu chuẩn TCVN 8893:2011, điện khí hóa toàn tuyến.

- Ga đường sắt

+ Quy hoạch ga Minh Hải - Đại Đồng và khu cảng cạn nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải của vùng (tạm gọi là ga Minh Hải - Đại Đồng)

+ Ga Minh Hải là đầu mối đường sắt tác nghiệp đón, gửi, giải thể tàu hàng gắn liền với hệ thống kho bãi, trung tâm Logistis. Tổ chức xếp dỡ hàng hóa đi các tỉnh vùng phía Bắc, Tây Bắc, Đông Bắc thành phố Hà Nội. Đặc biệt là phục vụ nhu cầu vận tải hàng hóa trên trục kinh tế Bắc Nam - tỉnh Hưng Yên, kết nối thông thương với các tỉnh Bắc Ninh và Thái Bình.

9. Quy hoạch hệ thống san nền và thoát nước mưa

a) San nền

- Quy hoạch san nền theo từng phân khu nhằm thuận lợi cho việc quản lý và phát triển đô thị.

- Cao độ san nền xây dựng của các phân khu trong khu vực quy hoạch đảm bảo cao độ khống chế của quy hoạch chung thị xã Mỹ Hào và quy hoạch chung huyện Văn Lâm là $\geq +3,5\text{m}$. San nền đảm bảo độ dốc thoát nước trung bình là 0,5%. Hướng dốc chủ đạo về sông Như Quỳnh và sông Bần Vũ Xá, với các phương án san nền theo từng phân khu xây dựng như sau:

+ Với các phân khu xây dựng hiện hữu (dân cư cũ, công trình cũ): Được giữ nguyên trạng. Nếu có nhu cầu điều chỉnh cốt xây dựng sẽ được xác lập trong các dự án nhưng phải tuân thủ cao độ khống chế của quy hoạch chung.

+ Với các phân khu dự án: Việc san nền tuân thủ theo các dự án đã được duyệt nhưng phải đảm bảo khống chế của quy hoạch chung và hướng thoát nước chung của đô thị.

+ Đối với các phân khu mới (đô thị, công trình mới): Hướng dốc san nền chung là từ giữa phân khu (khu đất) sang các tuyến đường giao thông chính xung quanh. Căn cứ các điều kiện hiện trạng và các quy hoạch chung huyện Văn Lâm, quy hoạch chi tiết 1/500 phường Nhân Hòa, Phan Đình Phùng được duyệt. Cao độ nền xây dựng khống chế khu vực huyện Văn Lâm $\geq 4,0\text{m}$, khu vực thị xã Mỹ Hào $\geq 3,5\text{m}$ hướng dốc về các sông, kênh tiêu trong khu vực.

b) Thoát nước mưa

- Phương án quy hoạch

+ Đối với khu vực phát triển đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Đối với các khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

+ Đối với khu vực nông thôn: Thoát nước chung ra các sông, kênh tiêu trong khu vực.

- Các lưu vực thoát nước chính

+ Lưu vực 1 bao gồm khu vực phía Bắc đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, nước mưa của lưu vực này được thoát theo trục tiêu Lương Tài và kết nối với khu vực phía Nam đường sắt bằng sông Bà Sinh, một phần phía bắc của lưu vực được thoát ra sông Cẩm Giàng (tiếp nối sông Như Quỳnh).

+ Lưu vực 2 bao gồm khu vực phía Nam đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, nước mưa của lưu vực này được thoát ra sông Bần - Vũ Xá và sông Bắc Hưng Hải.

10. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước của khu quy hoạch (đến năm 2030): 49.678 $\text{m}^3/\text{ng.đ.}$

- Khu vực thuộc huyện Văn Lâm: Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước Như Quỳnh có công suất hiện trạng $2.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$, định hướng sẽ được cải tạo nâng cấp đến năm 2030 là $31.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ và nhà máy cấp nước xã Chỉ Đạo có công suất hiện trạng $1.500\text{m}^3/\text{ng.đ}$, định hướng sẽ được cải tạo nâng cấp công suất đến năm 2030 lên $8.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$.

- Khu vực thuộc thị xã Mỹ Hào: Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước Phố Nối có công suất hiện trạng $10.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$, định hướng sẽ được cải tạo nâng cấp công suất đến năm 2030 lên $78.500\text{m}^3/\text{ng.đ}$.

- Mạng đường ống: Mạng đường ống sinh hoạt được quy hoạch chung với mạng cấp nước chữa cháy. Các khu dân cư hiện trạng đã có mạng đường ống cấp nước cần phải cải tạo nâng cấp phù hợp với nhu cầu phát triển của mỗi khu vực, đảm bảo cung cấp đủ nước, liên tục và hạn chế rò rỉ. Các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp nước của các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt và đấu nối với mạng cấp nước quy hoạch chung khu vực.

- Mạng cấp nước chữa cháy: Quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt. Không phụ thuộc vào bậc chịu lửa, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 2, lưu lượng nước cho một đám cháy: 30 (lít/giây).

11. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện của khu quy hoạch (tính đến năm 2030) khoảng: 130MVA.

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu vực là lưới điện quốc gia khu vực miền Bắc thông qua trạm nguồn:

+ Trạm Phố Nối NC công suất 220/110/22 kV-2x250 MVA.

+ Trạm 110kV: Như Quỳnh 110/35/22 kV-2x63 MVA; Lạc Đạo 110/35/22 kV-3x63 MVA, Đại Đồng 110/35/22 kV-2x63 MVA, Minh Hải 110/35/22 kV-3x63 MVA, Giai Phạm 110/35/22 kV-3x63 MVA, Phố Nối 110/22 kV-1x63 MVA, Nhân Hòa 110/35/22 kV-2x63 MVA, Minh Quang 110/35/22 kV-2x63 MVA.

- Quy hoạch lưới điện: Quy hoạch đường dây trung áp 22kV chạy ngầm dọc theo các trục đường, lấy điện từ các trạm nguồn. Quy hoạch các trạm cắt, từ các trạm cắt nguồn điện trung áp dẫn đến các trạm trong khu vực. Phương án cấp điện khu vực như sau:

+ Khu vực đô thị mới: từ các trạm cắt, sử dụng đường dây cáp ngầm trung thế 22KV-Cu/PVC/XLPE/DSTA/PVC (3×300) mm^2 dẫn đến các trạm hạ thế trong khu vực. Các đường điện trung thế hiện hữu được nâng cấp, tiếp tục sử dụng có chọn lọc phù hợp với các giai đoạn phát triển.

+ Đối với khu công nghiệp: Các tuyến đường dây trung thế đi nổi và được kết nối tại các trạm cắt tập trung; đối với các dự án hiện hữu: giữ nguyên mạng trung thế đã duyệt theo quy hoạch, chỉ định hướng vị trí nguồn điện cho các khu này.

+ Đối với các khu dân cư hiện trạng tiếp tục sử dụng nguồn điện hiện nay, đồng thời được bổ sung nguồn điện quy hoạch mới để phát triển mở rộng

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp điện các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

12. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Phương án quy hoạch

+ Đối với các khu đã có hệ thống thoát nước chung, xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách nước thải về trạm xử lý kết hợp với nâng cấp cải tạo đường cống.

+ Đối với các khu dân cư hiện hữu, xây dựng hệ thống thoát nước chung, tại các điểm xả ra nguồn xây dựng các giếng tách nước thải về trạm xử lý .

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong huyện, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải quy hoạch để thuận tiện trong quản lý và kiểm soát về môi trường.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

+ Đối với các khu, cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong khu.

- Tổng lưu lượng thoát nước thải (tính đến năm 2030): 29.300 m³/ng.đ.

- Lưu vực thoát nước

+ Khu vực thuộc huyện Văn Lâm gồm 2 lưu vực: Lưu vực 1 bao gồm các diện tích phía Bắc đường sắt Hà Nội - Hải Phòng được thu gom và thoát về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 5 (quy hoạch trong Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt) có công suất 6.500m³/ngđ; lưu vực 2 bao gồm các diện tích phía Nam đường sắt Hà Nội - Hải Phòng được thu gom và thoát về trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 4 (quy hoạch trong Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt) có công suất 6.500m³/ngđ.

+ Khu vực thuộc thị xã Mỹ Hào: Nước thải của khu vực này được thu gom và thoát về trạm xử lý nước thải số 1 (quy hoạch trong Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt) có công suất 23.000m³/ng.đ.

b) Vệ sinh môi trường

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (đến năm 2030) là 111 tấn/ng.đ. Định hướng sẽ thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt trong khu vực về khu xử lý chất thải rắn tại xã Đại Đồng huyện Văn Lâm.

+ Nghĩa trang: Về nguyên tắc cần kết thúc việc hung táng tại các nghĩa trang nhỏ lẻ trong khu vực, cải tạo xây dựng thành các khu nghĩa trang có cảnh quan, môi trường tốt, thân thiện với môi trường và xã hội. Tuy nhiên, việc này phải từng bước thực hiện từ nay đến năm 2030. Sau đó sẽ đưa về các nghĩa trang tập trung của thị xã Mỹ Hào và huyện Văn Lâm đã được quy hoạch trong đồ án quy hoạch chung của huyện, thị xã.

Điều 2. Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND huyện Văn Lâm, UBND thị xã Mỹ Hào và các sở, ngành liên quan triển khai công bố quy hoạch, xác định chỉ giới xây dựng; làm căn cứ để triển khai các bước tiếp theo của Dự án theo quy định hiện hành, quản lý xây dựng theo đúng Quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm; Chủ tịch UBND thị xã Mỹ Hào và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 9

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D. 3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thế Cử